

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-4-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Lan T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: đường G, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Xuân T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường D, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Vũ Thị Lan T trình bày:

Bà và ông Hồ Xuân T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó giữa hai vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Trong lòng cả hai đã mất niềm tin ở nhau, thường nghi ngờ và không còn tôn trọng lẫn nhau. Trong thâm tâm ông T lúc nào cũng nghĩ bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác rồi dẫn đến ghen tuông, tỏ ra khó chịu với bà. Ông T không phụ giúp bà công việc làm ăn, mỗi buổi tối ông T đều đi nhậu đến đêm mới về, không quan tâm đến bà. Bà và ông T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2019 đến nay. Nay bà xác định

cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Hồ Xuân T.

Về con chung: Bà và ông T Có 02 con chung tên Hồ Nhật T1, sinh năm 1996 và Hồ T Q, sinh ngày 31/3/2002. Cháu T1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lời khai ngày 01 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Hồ Xuân T trình bày: Ông xác nhận là điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng ông như bà T trình bày là đúng. Từ khi kết hôn đến cuối năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng êm ấm, hạnh phúc. Từ đầu năm 2019 đến nay thì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà T đã yêu cầu ông ra khỏi nhà và ông đã dọn về nhà cha mẹ ruột ông ở, ông và bà T đã sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông thừa nhận quá trình chung sống cũng có vài lần vợ chồng cãi vã và dẫn đến xô xát nhưng sau đó ông có xin lỗi bà T. Ngoài ra đã có lần ông thấy bà T dùng điện thoại là ông lại ghen với bà T dẫn đến hay cằn nhằn, trách móc bà T. Ông xác định ông vẫn còn yêu thương bà T và muốn các con có một gia đình trọn vẹn nên ông mong muốn gia đình đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Nhật T1, sinh ngày 22/08/1996 và Hồ T Q, sinh ngày 31/03/2002. Cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp ly hôn, cháu Q có nguyện vọng muốn ở với mẹ, ông đồng ý giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà Vũ Thị Lan T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn luật định. Việc chấp hành Pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Vũ Thị Lan T yêu cầu ly hôn với bà ông Hồ Xuân T có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồ Xuân T được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Xuân T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, bà T và ông T đều xác định không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2019 đến nay và cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù bà T và ông T trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau.

Theo kết quả xác minh: chính quyền địa phương cho biết vợ chồng ông T, bà T thực tế có sinh sống tại địa chỉ 1001/23 Bình Giã, phường R, thành phố V. Cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Hiện tại ông T không còn sinh sống tại địa chỉ này từ đầu năm 2019 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T là có thật. Hiện nay, bà T và ông T đang sống ly thân nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân Gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Vì vậy, có thể xác định được hôn nhân của bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Lan T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Hồ Nhật T1, sinh ngày 22/08/1996 và Hồ T Q, sinh ngày 31/03/2002. Cháu T1 đã trưởng thành, bà T và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà T và ông T thống nhất trong trường hợp ly hôn giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q cũng có nguyện vọng muốn được ở với bà T nên giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Vũ Thị Lan T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Lan T.

1. Về hôn nhân: Bà Vũ Thị Lan T ly hôn với ông Hồ Xuân T.

2. Về con chung: Cháu Hồ Nhật T1, sinh ngày 22/8/1996 đã trưởng thành, Tòa án không xem xét. Giao cháu Hồ T Q, sinh ngày 31/3/2002 cho bà Vũ Thị Lan T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông Hồ Xuân T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Lan T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010479 ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. V;
- Chi cục THADS tp. V;
- UBND P.C, tp. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh

